TOÀ ÁN NHÂN DÂN **Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 128/2024/DS-ST
Ngày 30.9.2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Ngọc Cường**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Hoàng Quốc Cường** và ông **Nguyễn Thị Hồng**

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phan Khánh Vi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Vũ, chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 136/2024/TLST-DS ngày 16.5.2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2024/QĐXXST- DS ngày 16.5.2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 136/2024/QĐXXST- DS ngày 12.9.2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1988; Trú tại: K T, phường X, quận T, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

***** Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hà M, sinh năm 1989. Địa chỉ: 2 N, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng. Nay trú tại thôn K, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam và ông Phạm Thế V, sinh năm 1983; Địa chỉ: 2 N, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng. Nay trú tại thôn K, xã T, huyện P, tỉnh Quảng Nam; Bà M vắng mặt, ông V có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện gửi Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương H trình bày:*

Thông qua mối quan hệ xã hội, ngày 01 tháng 10 năm 2023, bà H cho vợ chông ông Phạm Thế V và bà Nguyễn Thị Hà M mượn số tiền 800.000.000 đồng ông V bà M hứa sẽ trả số tiền này trong vòng 08 tháng (mỗi tháng 100 tiệu đồng). Khoảng đầu tháng 11 năm 2023,vợ chồng ông V trả cho tôi 100 triệu và viết giấy nợ tôi số tiền 700.00.000 đồng và thế chấp cho tôi 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng

đast mang tên vợ chồng ông Vũ S: cc 861993 số vào sổ cấp GCN: CT 00154/Q45tr40.

Trong tháng 12.2023, vợ chồng bà Nguyễn Thị Hà M trả được 43.500.000. Tổng số tiền vợ chồng ông V bà M trả là 143.500.000 đồng. Từ tháng 12 năm 2023 đến nay vợ chồng bà M không trả tiền cho tôi, tôi liên lạc điện thoại vợ chồng bà M không nghe máy, tôi đến nhà nhưng không gặp vợ chồng bà M.

Nay tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông V bà M trả số tiền còn nợ 657.500.000đ, không yêu cầu tính lãi.

** Trong đơn trình bày và tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm Thế V trình bày:*

Vào khoảng tháng 10 năm 2023, bà Nguyễn Thị Hà M là vợ của tôi có chơi biêu với bà Nguyễn Thị Phương H với tiền biêu 01 tháng là 100.000.000đ và được bà H cho hốt người thứ 3 hay thứ 4 gì đó và hốt được số tiền lớn và nói vợ chồng ký vô mới chồng biêu nên tôi cũng nghe lời vợ và ký vào giấy xác nhận mượn tiền của bà H. Sau vài tháng bà M không còn khả năng nộp biêu và bà M cũng tìm cách trả nợ cho bà H nên bà H cho bà M vào chân biêu 30.000.000đ/ tháng để hốt đầu tiên để gán nợ cho bà H1. Nộp được vài tháng thì bà M không còn khả năng trả nợ nữa bà bỏ đi và không có ở địa phương. Bà H cho người vô nhà tôi canh và cho người ở lại trong nhà tôi làm ảnh hưởng đến tâm lý của 03 đứa con tôi nên tôi về quê lấy cuốn sổ đỏ mang tên tôi và bà M đem ra đưa cho bà H để bà H không cho người ở nhà tôi làm 03 đứa con tôi sợ. Còn tiền thì bà H với bà M biết chớ tôi không biết gì về tiền biêu của 02 người họ.

Việc tôi ký giấy nợ cũng là do bà H cho người vô nhà tôi làm con tôi ảnh hưởng tâm lý. Số nợ trên là của riêng bà M với bà H, tôi không liên quan gì nên không có trách nhiệm phải trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với ông V bà M, buộc bị đơn phải trả số tiền còn nợ là 656.500.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn

Thị Phương H và bị đơn là bà Nguyễn Thị Hà M, ông Phạm Thế V là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn quận T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị Hà M vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà M.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Căn cứ vào Giấy mượn tiền ngày 01/10/2023 có nội dung bà Nguyễn Thị Phương H cho bà Nguyễn Thị Hà M vay số tiền 800.000.000 đồng và trong Giấy mượn tiền tại phần người nhận tiền có chữ ký của ông Phạm Thế V, chồng của bà Nguyễn Thị Hà M, Hội đồng xét xử xác định giữa các bên đã ký kết hợp đồng dân sự về việc vay tài sản. Hợp đồng có thỏa thuận trả lãi và ấn định thời hạn trả gốc. Đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi do các bên tự nguyện giao kết được bảo vệ và đảm bảo thực hiện và các bên phải có nghĩa vụ thực hiện các điều khoản cam kết trong hợp đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, ông Phạm Thế V và bà Nguyễn Thị Hà M là vợ chồng. Tại thời điểm vay tiền, trong Giấy mượn tiền ngày 01/10/2023, ông Phạm Thế V ký tên tại phần nhận tiền và trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông Nguyễn Thế V1 có viết Giấy xác nhận thế chấp sổ đỏ có nội dung xác nhận việc mượn số tiền 700.000.000đ và cam kết khi nào vợ chồng ông V1 bà M trả hết số tiền nợ thì bà H sẽ trả lại sổ đỏ. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định ông Nguyễn Thế V1, bà Nguyễn Thị Hà M cùng vay tiền của bà H. Đây là nợ chung của ông V1 và bà M nên Hội đồng xét xử buộc ông V1 phải có nghĩa vụ trả nợ chung với bà M khoản nợ nói trên theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H thừa nhận bà M ông V1 đã trả được số tiền 143.500.000 đồng tiền gốc. Hiện nay còn nợ bà H số tiền 656.500.000 đồng. Bà H đã yêu cầu bà M ông V1 trả tiền gốc nhưng bà M ông V1 đã không thực hiện nghĩa vụ trả tiền như cam kết. Như vậy, bà M ông V1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, là người có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng vay tài sản nên Hội đồng xét xử căn cứ điều 463, 466 Bộ luật dân sự để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc bà M ông V1 có nghĩa vụ trả số tiền 656.500.000 đồng là có căn cứ.

[4] Xét lời trình bày của ông V1 cho rằng đây là khoản tiền nợ biêu giữa bà M với bà H, ông V1 không liên quan gì và không có trách nhiệm trả nợ cho bà H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Như nhận định trên, tại thời điểm vay tiền, ông Phạm Thế V và bà Nguyễn Thị Hà M là vợ chồng. Trong Giấy mượn tiền ngày 01/10/2023 và trong Giấy xác nhận thế chấp sổ đỏ, ông Phạm Thế V đều ký tên và xác nhận nợ. Do vậy, có đủ cơ sở để xác định ông Nguyễn Thế V1 cùng vay tiền với bà Nguyễn Thị

Hà M, Hội đồng xét xử xác định đây là nợ chung của ông V1 và bà M nên buộc ông V1 phải có nghĩa vụ trả nợ chung với bà M khoản nợ nói trên cho bà H, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của ông V1 được.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Vì chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: - Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự;

- Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* của bà Nguyễn Thị Phương H đối với bà Nguyễn Thị Hà M, ông Phạm Thế V.

Xử: Buộc bà Nguyễn Thị Hà M, ông Phạm Thế V phải trả cho bà Nguyễn Thị Phương H số tiền 656.500.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng thời gian và số tiền phải thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm là 30.260.000đ, bà Nguyễn Thị Hà M, ông Phạm Thế V phải chịu.

Bà Nguyễn Thị Phương H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H2 lại cho bà Nguyễn Thị Phương H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 15.150.000đ đã nộp theo biên lai thu số 1216 ngày 15.5.2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn ông Phạm Thế V có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn bà Nguyễn Thị Hà M vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q. Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đặng Ngọc Cường